

PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ MB 2021

(Đính kèm Tờ trình số 221/TT-MB ngày 05/04/2021 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ MB năm 2021)

TT	Điều	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Giải trình
1.	Phần mở đầu	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) là Doanh nghiệp..., phục vụ các <u>Doanh nghiệp</u> Quân đội và các thành phần kinh tế khác... Điều lệ ... được căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng, quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác có liên quan, <u>tham chiếu Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính</u> , phù hợp với hoạt động thực tế của MB.	Sửa đổi Phần mở đầu như sau: <i>Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) là Doanh nghiệp..., phục vụ các Khách hàng Quân đội và các thành phần kinh tế khác...</i> <i>Điều lệ... được căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác có liên quan, phù hợp với hoạt động thực tế của MB.</i>	Sửa đổi về câu từ và cập nhật theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.
2.	Điều Định nghĩa	1.5. “ <u>Địa bàn kinh doanh</u> ” là phạm vi địa lý được ghi trong các văn bản chấp thuận của NHNN mà tại đó MB được thiết lập mạng lưới hoạt động theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi Khoản 1.5 Điều 1 như sau: 1.5. “ <i>Mạng lưới hoạt động</i> ” là các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài và các địa điểm mạng lưới hoạt động khác của MB phù hợp quy định pháp luật.	Phù hợp Khoản 1 Điều 3 Thông tư 21/2013/TT-NHNN.
3.	Điều Định nghĩa	1.11. “ <u>Sổ đăng ký cổ đông</u> ” là một tài liệu bằng văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử được quy định tại Điều 28 của Điều lệ này	Sửa đổi Khoản 1.11 Điều 1 như sau: “ <i>Sổ đăng ký cổ đông</i> ” là một tài liệu bằng văn bản <u>giấy</u> hoặc tệp dữ liệu điện tử <u>hoặc cả hai loại này</u> được quy định tại Điều 28 của Điều lệ này.	Phù hợp Khoản 1 Điều 122 LDN 2020.
4.	Điều Định nghĩa	1.15. “ <u>Cổ tức</u> ” là khoản lợi nhuận ròng được trả hàng năm cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của MB sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.	Sửa đổi Khoản 1.15 Điều 1 như sau: “ <i>Cổ tức</i> ” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.	Phù hợp quy định về cổ tức tại Khoản 5 Điều 4 Luật DN 2020.
5.	Điều Định nghĩa	1.17. “ <u>Luật Doanh nghiệp</u> ” có nghĩa là <u>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014...</u>	Sửa đổi Khoản 1.17 Điều 1 như sau: “ <i>Luật Doanh nghiệp</i> ” có nghĩa là <u>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020...</u>	Cập nhật theo Luật DN hiện hành.
6.	Điều Định nghĩa	1.19. “ <u>Luật Chứng Khoán</u> ” có nghĩa là <u>Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà</u>	Sửa đổi Khoản 1.19 Điều 1 như sau: “ <i>Luật Chứng Khoán</i> ” có nghĩa là <u>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019...</u>	Cập nhật theo Luật Chứng khoán hiện hành.

huy

		Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010...		
7.	Điều 1. Định nghĩa	1.26. “Công ty liên kết của MB” là công ty trong đó MB hoặc MB và người có liên quan của tổ chức tín dụng sở hữu trên 11%...	Sửa đổi Khoản 1.26 Điều 1 như sau: <i>1.26. “Công ty liên kết của MB” là công ty trong đó MB hoặc MB và người có liên quan của MB sở hữu trên 11%....</i>	Sửa về câu chữ để chính xác.
8.	Điều 2. Tên gọi,...	7. ...MB có <u>con</u> dấu riêng, tài khoản riêng mở tại NHNN....	Sửa đổi Khoản 7 Điều 2 như sau: <i>7....MB có <u>dấu riêng</u>, tài khoản riêng mở tại NHNN...</i>	Phù hợp Điều 43 Luật DN 2020.
9.	Điều 2. Tên gọi, hình thức, ...	12. Thời hạn hoạt động của MB là 99 năm kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép hoạt động và thời gian được NHNN gia hạn (nếu có).	Bỏ nội dung “và thời gian được NHNN gia hạn (nếu có)” tại Khoản 12 Điều 2.	Phù hợp Giấy phép hiện hành.
10.	Điều 3. Mục tiêu, phạm vi hoạt động của MB	1. Phạm vi hoạt động của MB bao gồm: 2. Mục tiêu của MB là xây dựng ngân hàng trở thành: Ngân hàng TMCP phục vụ tốt nhất cho các Doanh nghiệp Quân đội, các tổ chức và cá nhân.	Chuyển Khoản 2 lên thành Khoản 1 và sửa như sau: <i>1. Mục tiêu <u>hoạt động</u> của MB là xây dựng, <u>phát triển</u> ngân hàng MB trở thành: Ngân hàng TMCP phục vụ tốt nhất cho các <u>Khách hàng Quân đội</u>, các tổ chức và cá nhân.</i>	Sửa đổi về câu chữ để rõ ràng.
11.	Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 7. MB có phạm vi kinh doanh và hoạt động cả trong nước và ngoài nước.	Sửa đổi Điều 4 thành Quyền và nghĩa vụ của MB như sau <i>7. MB có <u>quyền hoạt động</u> kinh doanh cả trong nước và ngoài nước. 8. <u>MB thực hiện quyền và nghĩa vụ khác phù hợp quy định pháp luật, văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</u></i>	Sửa tên điều phù hợp và đầy đủ quyền, nghĩa vụ chưa cụ thể tại Điều lệ.
12.	Điều 20. Vốn điều lệ	3. MB đảm bảo mức vốn điều lệ <u>thực có</u> không thấp hơn mức vốn pháp định...	Sửa đổi thay thế từ “ <u>thực có</u> ” thành “ <u>thực góp</u> ” như sau: <i>3. MB đảm bảo mức vốn điều lệ <u>thực góp</u> không thấp hơn mức vốn pháp định....</i>	Phù hợp Khoản 1 Điều 3 NĐ 86/2019/NĐ-CP.
13.	Điều 20. Vốn điều lệ	4. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích: 4.5. Kinh doanh các <u>dịch vụ khác</u> theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi Điểm 4.5 Khoản 4 Điều 20 như sau: <i>4.5. <u>Hoạt động kinh doanh khác phù hợp quy định của pháp luật.</u></i>	Phù hợp Nghị định 93/2017/NĐ-CP.
14.	Điều 20. Vốn điều lệ	Chưa quy định	Bổ sung Khoản mới tại cuối Điều 20 như sau: <u>Tổng mức tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài tại MB là [.....]¹</u>	Phù hợp Điểm e K1 Điều 139 Nghị định 155.
15.	Điều 21. Thay đổi vốn điều lệ	3. Các hình thức tăng Vốn điều lệ của MB: 3.1. Phát hành thêm cổ phần để tăng vốn, kể cả trường hợp...	Bổ sung “ <u>chào bán cổ phần</u> ” tại Điểm 3.1 Khoản 3 Điều 21 như sau: <i>3.1. <u>Chào bán cổ phần</u> hoặc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn, kể cả trường hợp...</i>	Phù hợp Khoản 1 Điều 123 Luật DN 2020.
16.	Điều 21.	4. Các hình thức giảm Vốn điều lệ:	Sửa đổi Điểm 4.1 Khoản 4 Điều 21 như sau:	Phù hợp Điều

¹ Mức cụ thể điền theo mức tỷ lệ được ĐHQĐ thông qua từng thời kỳ

	Thay đổi vốn điều lệ	4.1. MB mua lại và hủy bỏ một số lượng <u>cổ phiếu quỹ</u> có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm.	4.1. <u>MB mua lại cổ phiếu và giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được MB mua lại.</u>	134 Luật DN và Khoản 5 Điều 36 Luật CK.
17.	Điều 21. Thay đổi vốn điều lệ	6. Sau khi đã thay đổi Vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước, MB đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về Vốn điều lệ mới và <u>gửi văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận số Vốn điều lệ đã được đăng ký (bản sao có xác nhận của cơ quan Công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật), báo cáo kết quả thực hiện thay đổi mức Vốn điều lệ, danh sách cổ đông theo quy định của NHNN, đồng thời phải đăng báo trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về số Vốn điều lệ mới.</u>	Sửa đổi Khoản 6 Điều 21 như sau: 6. Sau khi đã thay đổi Vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước, MB đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về Vốn điều lệ mới và <u>thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật về số Vốn điều lệ mới.</u>	Phù hợp Khoản 4 Điều 29 Luật các TCTD và các quy định của NHNN từng thời kỳ.
18.	Điều 23. Chào bán cổ phần	1...Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn mệnh giá cổ phần tại thời điểm chào bán.	Bổ sung Khoản 1 Điều 23 như sau: 1... <u>Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn mệnh giá cổ phần tại thời điểm chào bán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</u>	Phù hợp Khoản 3 Điều 13 Luật CK 2019.
19.	Điều 23. Chào bán cổ phần	3. Trường hợp MB chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán cổ phần riêng lẻ hoặc phát hành thêm quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ thì thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và quy định pháp luật khác có liên quan.	Bổ sung nội dung gạch chân vào Khoản 3 Điều 23: 3. <u>Trường hợp MB chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán cổ phiếu riêng lẻ hoặc phát hành thêm quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu hoặc chào bán, phát hành khác theo pháp luật chứng khoán để tăng vốn điều lệ thì thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và quy định pháp luật khác có liên quan.</u>	Phù hợp Mục 5 Chương II Nghị định 155 (về các trường hợp chào bán, phát hành khác).
20.	Điều 23. Chào bán cổ phần	6. Sau khi cổ phần được bán, các thông tin về cổ đông quy định tại Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó tại MB. Khi MB tiến hành đăng ký giao dịch/niêm yết trên thị trường chứng khoán thì việc chào bán cổ phần của MB thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; quy định của pháp luật khác có liên quan.	Bổ Khoản 6 Điều 23 Điều lệ.	Phù hợp thực tiễn MB là tổ chức niêm yết.
21.	Điều 24. Mua lại cổ phần	1.1. HĐQT MB có quyền quyết định mua lại không quá 10% (Mười phần trăm) tổng số cổ phần <u>đã được chào bán trong mỗi</u> 12 (mười hai) tháng...	Sửa đổi Điểm 1.1 Điều 24 như sau: <u>HĐQT MB có quyền quyết định mua lại không quá 10% (Mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng...</u>	Phù hợp Khoản 1 Điều 133 Luật DN 2020.
22.	Điều 24.	1.3...Chào bán phải có họ, tên, <u>địa chỉ thường</u>	Sửa đổi Điểm 1.3 Khoản 1 Điều 24 như sau:	Chính xác về từ

	Mua lại cổ phần	trú, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán;...	1.3...Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán;...	ngữ theo Điểm b Khoản 3 Điều 133 Luật DN 2020.
23.	Điều 24. Mua lại cổ phần	2.1...Yêu cầu phải được gửi đến MB trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày...	Sửa đổi Điểm 2.1 Khoản 2 Điều 24 như sau: 2.1...Yêu cầu phải được gửi đến MB trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày...	Phù hợp Khoản 1 Điều 132 Luật DN 2020.
24.	Điều 24. Mua lại cổ phần	3.1. MB chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này nếu..., vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định và các điều kiện liên quan khác do NHNN quy định. Việc MB mua lại cổ phần của chính mình....	Sửa đổi Điểm 3.1 Khoản 3 Điều 24 như sau: 3.1. MB chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này nếu..., giá trị thực của vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật. Việc MB mua lại cổ phần của chính mình....	Chính xác về câu chữ và phù hợp với quy định về điều kiện mua lại cổ phần tại Luật CK 2019.
25.	Điều 24. Mua lại cổ phần	3.2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này được coi là cổ phần chưa bán và thuộc số cổ phần được quyền chào bán phù hợp quy định pháp luật về chứng khoán.	Sửa đổi Điểm 3.2 Khoản 3 Điều 24 như sau: 3.2. MB thực hiện mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này và làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được MB mua lại, trừ các trường hợp mua lại cổ phiếu mà không phải giảm vốn điều lệ phù hợp quy định pháp luật. MB được bán ra cổ phiếu ngay sau khi mua lại trong các trường hợp theo quy định của pháp luật.	Phù hợp Điều 134 Luật DN 2020 và Khoản 5 Điều 36 Luật CK..
26.	Điều 25. Chuyển nhượng cổ phần	2....Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 25 như sau: 2...Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng hợp đồng hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của các bên ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi các thông tin của người nhận chuyển nhượng được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông theo quy định của pháp Luật Doanh nghiệp.	Phù hợp Khoản 2 và Khoản 6 Điều 127 LDN 2020.
27.	Điều 27. Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chưa quy định	Bổ sung Khoản 6 vào Điều 27: “Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại MB không vượt quá mức tối đa theo quy định pháp luật. Trong quá trình hoạt động, ĐHĐCĐ quyết định điều chỉnh tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài tại MB phù hợp quy định pháp luật”.	Phù hợp Điểm e K1 Điều 139 Nghị định 155.

28.	Điều 28. Số đăng ký cổ đông	1. ...Số đăng ký cổ đông phải có những nội dung chủ yếu sau đây: 1.4. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.</u>	Sửa đổi Điểm 1.4 Khoản 1 Điều 28 Điều lệ như sau: <i>1.4. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.</i>	Phù hợp với quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 122 Luật DN 2020.
29.	Điều 28. Số đăng ký cổ đông	2. Số đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của MB hoặc đơn vị quản lý Số đăng ký cổ đông được chỉ định hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán phù hợp quy định của pháp luật. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung số đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của MB hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 28 như sau: <i>2. Số đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của MB hoặc các tổ chức khác được MB chỉ định. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép thông tin trong số đăng ký cổ đông theo quy định pháp luật, trong giờ làm việc theo quy định của MB hoặc của các tổ chức được MB chỉ định.</i>	Phù hợp Khoản 3 Điều 122 LDN 2020, và điều chỉnh tên cơ quan, tổ chức có chức năng quản lý số đăng ký cổ đông.
30.	Điều 28. Số đăng ký cổ đông	3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với MB để cập nhật vào số đăng ký cổ đông...	Sửa đổi Khoản 3 Điều 8 như sau: <i>3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với MB hoặc tổ chức được MB chỉ định để cập nhật vào số đăng ký cổ đông...</i>	Phù hợp thực tiễn tại MB ² .
31.	Điều 29. Cổ phiếu	2. Cổ phiếu của MB có thể được lưu ký tại MB hoặc đơn vị do MB chỉ định/dăng ký phù hợp với quy định của pháp luật.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 29 như sau: <i>"2. Cổ phiếu của MB được lưu ký tập trung tại Tổng công lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trước khi thực hiện giao dịch, trừ trường hợp khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính".</i>	Phù hợp Khoản 1 Điều 62 Luật CK 2019.
32.	Điều 29. Cổ phiếu	3. Cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ (nếu có) của MB bao gồm các thông tin chủ yếu sau: 3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của MB. 3.2. <u>Số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của MB.</u> 3.3. Số lượng cổ phần và loại cổ phần. 3.4. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu. 3.5. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân</u>	Sửa đổi Khoản 3 Điều 29 như sau: 3. Cổ phiếu của MB bao gồm các thông tin chủ yếu sau: 3.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của MB. 3.2. Số lượng cổ phần và loại cổ phần. 3.3. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu. 3.4. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức. 3.5. Các nội dung khác theo quy định pháp luật.	Phù hợp Khoản 1 Điều 121 Luật DN 2020.

² MB thực hiện thay đổi thông tin với cổ đông chưa lưu ký, Thành viên lưu ký thay đổi thông tin với cổ đông đã lưu ký (phù hợp theo Quyết định số 04/QĐ-VSD ngày 02/10/2020)

		dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức. 3.6. <u>Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.</u> 3.7. <u>Chữ ký mẫu của Chủ tịch HĐQT và dấu của MB.</u>		
33.	Điều 29. Cổ phiếu	4. Mỗi cổ đông sẽ được MB cấp cổ phiếu hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phiếu hoặc cách thức khác phù hợp quy định pháp luật để ghi nhận số vốn góp...	Sửa đổi Khoản 4 Điều 29 như sau: Mỗi cổ đông có thể được MB cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phiếu hoặc cách thức khác phù hợp quy định pháp luật để ghi nhận số vốn góp...	Phù hợp thực tiễn MB là công ty niêm yết.
34.	Điều 29. Cổ phiếu	5. <u>Bất cứ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông, sẽ được cấp miễn phí 1 giấy chứng nhận sau khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trong vòng 30 ngày (hoặc thời hạn lâu hơn theo quy định của điều khoản phát hành, hoặc của HĐQT về việc chuyển nhượng).</u> Việc công bố thông tin về giao dịch cổ đông lớn, cổ đông sáng lập, giao dịch của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan theo Luật Chứng khoán, giao dịch chào mua công khai, giao dịch cổ phiếu quỹ và các trường hợp công bố thông tin có liên quan được thực hiện theo quy định pháp luật về chứng khoán.	Sửa đổi Khoản 5 Điều 29 như sau: <i>5. Việc công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu của MB thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về chứng khoán.</i>	Phù hợp thực tiễn MB là công ty niêm yết.
35.	Điều 29. Cổ phiếu	6. Trường hợp cổ phiếu bằng chứng chỉ bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác....	Bỏ toàn bộ Khoản 6 Điều 29 tại Điều lệ.	Phù hợp thực tiễn MB là tổ chức niêm yết.
36.	Điều 30. Phát hành trái phiếu	2.3. Trên cơ sở Phương án phát hành được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT quy định cụ thể về phương thức phát hành, thời điểm phát hành,...	Sửa đổi Khoản 2.3 Điều 30 như sau: <i>2.3. Trên cơ sở Phương án phát hành được ĐHĐCĐ thông qua, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, HĐQT quy định cụ thể về phương thức phát hành, thời điểm phát hành,...</i>	Phù hợp với các quy định tại Luật CK, Điều 22 Nghị định 155.
37.	Điều 33. Cổ đông	1....Tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được mua cổ phần của MB và trở thành cổ đông của MB khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật, các điều kiện do MB quy định, chấp thuận và tuân thủ Điều lệ này và sau khi được	Bỏ “sau khi được NHNN cho phép” tại Khoản 1 Điều 33 như sau: <i>1....Tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được mua cổ phần của MB và trở thành cổ đông của MB khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật các điều kiện do MB quy định và tuân</i>	Phù hợp Điều 8 Nghị định 01/2014/NĐ-CP.

		NHNN cho phép.	thủ Điều lệ này.	
38.	Điều 34. Quyền hạn của cổ đông	1. Cổ đông có các quyền sau: 1.6. Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.	Sửa đổi Điều 1.6 Khoản 1 Điều 34 như sau: <i>1.6. Xem và nhận bản sao hoặc trích lục <u>thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa thông tin không chính xác của mình.</u></i>	Phù hợp Điểm d Khoản 1 Điều 115 Luật DN 2020.
39.	Điều 35. Nghĩa vụ của Cổ đông	1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 1.2...Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ số vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của MB trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.	Bổ sung “và các thiệt hại xảy ra” vào cuối Điều 1.2 Khoản 1 Điều 35 như sau: <i>1.2...Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ số vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của MB trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</i>	Phù hợp Khoản 2 Điều 119 LDN 2020
40.	Điều 35. Nghĩa vụ của Cổ đông	1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 1.4. Chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.	Sửa đổi Điều 1.4 Khoản 1 Điều 35 như sau: <i>1.4. Chấp hành các <u>ngợi quyết</u>, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</i>	Phù hợp Điểm d Khoản 1 Điều 54 Luật các TCTD
41.	Điều 35. Nghĩa vụ của Cổ đông	1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau:	Bổ sung mới Khoản 1.7 tại Khoản 1 Điều 35 như sau: <i>1.7. <u>Bảo mật các thông tin được MB cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán hoặc sao, gửi thông tin được MB cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác</u></i>	Phù hợp Khoản 5 Điều 119 Luật DN 2020.
42.	Điều 36. ĐHĐCĐ	1....Các cổ đông tự mình tham dự hoặc cử người đại diện cho mình tham dự họp. <u>Việc cử người đại diện phải được lập thành văn bản, có chữ ký của người ủy quyền, theo quy định của HĐQT MB.</u>	Sửa đổi Khoản 1 Điều 36 như sau: 1... <i>Các cổ đông, <u>người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức tự mình tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện cho mình tham dự họp hoặc tham dự họp thông qua hình thức phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ MB. Việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo quy định tại Điều lệ này. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</u></i>	Phù hợp Điều 144 Luật DN 2020.
43.	Điều 36. ĐHĐCĐ	2. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Bổ sung tại cuối Khoản 2 Điều 36 như sau: 2... <i>HĐQT <u>quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, phù hợp quy định pháp luật và văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</u></i>	Phù hợp Khoản 2 Điều 139 Luật DN 2020.

hy

44.	Điều 36. ĐHĐCĐ	3....HĐQT có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên phù hợp quy định pháp luật.	Sửa đổi Khoản 3 Điều 36 như sau: <i>3...HĐQT mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của MB tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của MB có các khoản ngoại trừ trong yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, phù hợp quy định pháp luật.</i>	Phù hợp khoản 2 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019 và Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155.
45.	Điều 36. ĐHĐCĐ	4. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: 4.5. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp ... theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp quy định tại Điều 53, Điều 54 Điều lệ này hoặc HĐQT ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.	Sửa đổi dẫn chiếu điều khoản tại Điểm 4.5 và bổ sung mới Điểm 4.7 tại cuối Khoản 1 Điều 36 như sau: <i>4.5. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp ... theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp, quy định tại Điều 53, Điều 54 Điều lệ này hoặc HĐQT ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.</i> <i>4.7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</i>	Chính xác dẫn chiếu và đủ trường hợp triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo pháp luật từng thời kỳ.
46.	Điều 36. ĐHĐCĐ	Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 4.5 Khoản 4 của Điều này có quyền...	Sửa đổi dẫn chiếu tại Khoản 6 Điều 36 như sau: <i>Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 4.4 Khoản 4 của Điều này có quyền...</i>	Chính xác về dẫn chiếu điều khoản tại Điều lệ.
47.	Điều 38. Quyền dự họp ĐHĐCĐ	1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ MB....	Sửa đổi phần gạch chân tại Khoản 1 Điều 38 như sau: <i>1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số người khác dự họp ĐHĐCĐ hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này...</i>	Phù hợp Khoản 1 Điều 144 Luật DN.
48.	Điều 38. Quyền dự họp ĐHĐCĐ	3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu do HĐQT MB quy định và phải có chữ ký theo quy định sau đây:...	Sửa đổi Khoản 3 Điều 38 như sau: <i>3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:...</i>	Phù hợp Khoản 2 Điều 144 Luật DN 2020.
49.	Điều 38. Quyền dự họp ĐHĐCĐ	4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:... 5. Quy định tại khoản 5 Điều này không áp dụng nếu...	Bổ sung mới Điểm 4.3 tại Khoản 4 và sửa dẫn chiếu điều khoản tại Khoản 5 Điều 38 như sau: <i>4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:...</i> <i>4.3. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.</i> <i>5. Quy định tại khoản 4 Điều này không áp dụng nếu...</i>	Rõ ràng và chính xác dẫn chiếu.
50.	Điều 38. Quyền dự họp	Chưa quy định.	Sửa đổi, bổ sung mới Khoản 6, Khoản 7 Điều 38 như sau: <i>6. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:</i>	Phù hợp Khoản 3 Điều 144 Luật DN 2020.

	DHĐCĐ		6.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; 6.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 6.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức họp trực tiếp kết hợp với hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc các hình thức kết hợp khác; 6.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử; 6.5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện điện tử khác, tham dự và biểu quyết thông qua hình thức khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị MB và quy định của Hội đồng quản trị. 7. Việc tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức, phương tiện quy định tại Khoản 6.3 và Khoản 6.5 nêu trên và cách thức thực hiện do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp quy định pháp luật và văn bản của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của MB để các cổ đông biết và thực hiện.	
51.	Điều 39. Danh sách cổ đông có quyền dự họp	1...Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Trường hợp cổ đông đã lưu ký chứng khoán thì danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập theo quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán, phù hợp quy định pháp luật.	Sửa đổi thời hạn “không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp” tại Khoản 1 Điều 39 thành: ...Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Trường hợp cổ đông đã lưu ký chứng khoán thì danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, phù hợp quy định pháp luật.	Sửa đổi tên tổ chức (Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán); phù hợp Khoản 1 Điều 141 Luật DN.
52.	Điều 39. Danh sách cổ đông có quyền dự họp	2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cá nhân hoặc người đại diện của cổ đông là tổ chức; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông, mã số cổ đông hoặc mã số lưu ký chứng khoán theo quy định của đơn vị quản lý cổ đông được chỉ định và các thông tin khác theo quy định pháp luật.	Sửa đổi về thông tin số giấy tờ pháp lý tại Khoản 2 Điều 39 như sau: 2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông, mã số cổ đông hoặc mã số lưu ký chứng khoán theo quy định của đơn vị quản lý cổ đông được chỉ định và các thông tin khác theo quy định pháp luật.	Phù hợp Khoản 2 Điều 141 LDN 2020.

53.	Điều 39. Danh sách cổ đông có quyền dự họp	5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng	Bổ sung nội gạch chân vào cuối Khoản 5 Điều 39 như sau: <i>5....thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng theo quy định pháp luật và hướng dẫn của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</i>	Phù hợp thực tiễn tại MB ³ .
54.	Điều 40. Thông báo mời họp, Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ	2. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ..... Thông báo về ĐHĐCĐ phải được đăng trên trang web chính thức của MB đồng thời với việc gửi thông báo mời họp và tài liệu cho các cổ đông.	Bổ sung phần gạch chân tại Khoản 2 Điều 40 như sau: <i>2. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ và phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp...Thông báo về ĐHĐCĐ phải được đăng trên trang web chính thức của MB đồng thời với việc gửi thông báo mời họp và tài liệu cho các cổ đông. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MB, và thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.</i>	Phù hợp Khoản 1 và Khoản 4 Điều 143 LDN 2020.
55.	Điều 40. Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ	2. ...Thông báo mời họp và tài liệu phải được gửi đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>mười (10) ngày</u> trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ....	Sửa đổi Khoản 2 Điều 40 như sau: <i>2.... Thông báo mời họp và tài liệu phải được gửi đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>hai mươi một (21) ngày</u> trước ngày khai mạc....</i>	Phù hợp Khoản 1 Điều 143 Luật DN 2020.
56.	Điều 41. Các điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ	1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của MB.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 41 như sau: <i>1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của MB.</i>	Phù hợp Khoản 1 Điều 145 Luật DN 2020.
57.	Điều 41. Các điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ	2. ...Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện <u>ít nhất 41%</u> tổng số cổ phần biểu quyết của MB.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 41 như sau: <i>2. ...Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện <u>ít nhất 33%</u> tổng số cổ phần biểu quyết của MB.</i>	Phù hợp Khoản 1 Điều 145 Luật DN 2020.
58.	Điều 41. Các điều kiện	Chưa quy định.	Bổ sung mới Khoản 5 tại Điều 41 như sau: <i>5. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát tham dự họp</i>	Phù hợp Khoản 4 Điều 273 Nghị

³ Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập theo Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán cấp

	kiện tiến hành ĐHĐCĐ		<i>ĐHĐCĐ thường niên để trả lời câu hỏi của cổ đông (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát báo cáo bằng văn bản với HĐQT và Ban kiểm soát.</i>	định 155.
59.	Điều 42. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ	1:....Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết <u>tương ứng với số vấn đề biểu quyết</u> trong chương trình họp.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 42 như sau: <i>1....Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết.</i>	Phù hợp với thực tiễn tại MB.
60.	Điều 42. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ	4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập, trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên HĐQT còn lại bầu 01 người trong số họ làm Chủ tọa;...	Sửa đổi Khoản 4 Điều 42 như sau: <i>4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa các cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập, trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu 01 người trong số họ làm Chủ tọa theo nguyên tắc đa số;...</i>	Phù hợp Điểm a Khoản 2 Điều 146 Luật DN 2020.
61.	Điều 42. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ	6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây: 6.3. Thời gian hoãn tối đa không quá <u>03 (ba) ngày</u> , kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.	Sửa đổi thời gian hoãn họp từ “03 ngày” thành “03 ngày làm việc” và bổ sung trường hợp được hoãn họp tại Điểm 6.3 Khoản 6 Điều 42 như sau: <i>6.3. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết</i> <i>Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</i>	Phù hợp Khoản 8 Điều 146 Luật DN 2020.
62.	Điều 42. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ	Chưa quy định	Bổ sung Khoản 13 Điều 42 như sau: <i>13. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể quyết định hình thức họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc hình thức họp khác với quy định tại Điều này. ĐHĐCĐ trực tuyến sẽ áp dụng các biện pháp công nghệ hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, biểu quyết thông qua bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác. HĐQT ban hành quy chế về việc tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến, biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác.</i>	MB có cơ sở tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến trong trường hợp cần thiết.
63.	Điều 44. Thẩm quyền và thể thức	1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của MB.	Bổ sung nội dung sau tại cuối Khoản 1 Điều 44: <i>1...Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời của cổ đông để thông qua quyết định của</i>	MB có cơ sở lấy ý kiến qua hình thức điện tử, kết hợp các hình

	lấy ý kiến cổ đông bằng VB		<i>DHDCĐ có thể được thực hiện thông qua hình thức gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp các hình thức theo quyết định của HĐQT.</i>	thức phù hợp Điều 149 LDN.
64.	Điều 44. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng VB	2. ...Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được <u>địa chỉ thường trú</u> của từng cổ đông.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 44 như sau: 2. ... <i>Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được <u>địa chỉ liên lạc</u> của từng cổ đông.</i>	Phù hợp Khoản 2 Điều 149 LDN 2020.
65.	Điều 44. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng VB	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: 3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của MB.</u> 3.3. Họ, tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp <u>hoặc số quyết định thành lập</u> , địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;...	Sửa đổi Điểm 3.1 và Điểm 3.3 Khoản 3 Điều 44 như sau: 3.1. <u>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của MB.</u> 3.3. <u>Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức;...</u>	Phù hợp Khoản 3 Điều 149 Luật DN 2020.
66.	Điều 44. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng VB	4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về MB phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về MB sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.	Sửa đổi Khoản 4 Điều 44 như sau: 4. <u>Trường hợp phiếu lấy ý kiến đã trả lời gửi đến MB bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử:</u> 4.1. <u>Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về MB phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</u> 4.2. <u>Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử hoặc các phương thức điện tử khác, phương thức kết hợp khác, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</u> 4.3. <u>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, các phương thức điện tử khác hoặc phương thức kết hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</u>	Phù hợp Khoản 4 Điều 149 Luật DN 2020.
67.	Điều 45.	2. Các nội dung khác liên quan đến biên bản họp	Sửa đổi dẫn chiếu và bổ sung tại cuối Khoản 2 Điều 45:	Phù hợp dẫn

	Biên bản họp ĐHĐCĐ	ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp cụ thể:...	2. Các nội dung khác liên quan đến biên bản họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp cụ thể... - Trường hợp Chủ toạ, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ toạ, Thư ký từ chối ký biên bản họp.	chiều của Luật DN 2020, và phù hợp Khoản 1 Điều 150 Luật DN 2020.
68.	Điều 48. Những người không được là thành viên HĐQT,...	Điều 48. Những người không được là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của MB	Sửa đổi tên Điều 48 như sau: Những người không được là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của MB và các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ khác	Sửa tên điều khoản để bao quát đầy đủ các nội dung tại Điều 48 Điều lệ.
69.	Điều 49. Những TH không cùng đảm nhiệm chức vụ	1.2. Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc là thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng đó.	Sửa đổi Khoản 1.2 Điều 49 như sau: 1.2. Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của MB hoặc là thành viên Ban Kiểm soát của MB.	Sửa câu từ để chính xác.
70.	Điều 58. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT	10. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 127, khoản 7 Điều 128 của Luật các Tổ chức tín dụng...	Sửa đổi Khoản 10 Điều 58 như sau: 10. Thông qua việc cấp tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 127, khoản 7 Điều 128 của Luật các Tổ chức tín dụng...	Để chính xác câu chữ theo Khoản 3 Điều 127 Luật TCTD
71.	Điều 60. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT	3. ...Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.	Sửa đổi Khoản 3 Điều 60 như sau: 3... Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc các trường hợp khác theo quy định pháp luật, các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.	Phù hợp Khoản 4 Điều 156 Luật DN 2020.
72.	Điều 61. Thù lao và lợi ích của thành viên HĐQT	3. Thù lao của các thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của MB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của MB.	Bổ sung tại cuối Khoản 3 Điều 61 như sau: 3. Thù lao của các thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của MB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của MB và báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên theo quy định pháp luật.	Phù hợp Điều 298 Nghị định 155.

73.	Điều 63. Các cuộc họp của HĐQT	10. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: ... 10.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác.	Sửa đổi Điều 10.3, bổ sung Điều 10.5 Khoản 10 Điều 63: <i>10.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức họp trực tiếp kết hợp với hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc các hình thức kết hợp khác.</i> <i>10.5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của MB/Quy định của HĐQT.</i>	Phù hợp Khoản 9 Điều 157 LDN và HĐQT có cơ sở quyết định tham dự biểu quyết qua phương tiện điện tử.
74.	Điều 63. Các cuộc họp của HĐQT	12. Cuộc họp HĐQT phải được ghi thành biên bản. Nội dung Biên bản cuộc họp HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi Khoản 12 Điều 63 như sau: <i>12. Cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản. Nội dung Biên bản cuộc họp HĐQT thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</i>	Phù hợp dẫn chiếu và Khoản 1 Điều 158 Luật DN 2020.
75.	Điều 63. Các cuộc họp của HĐQT	13. Trường hợp thành viên HĐQT trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do và được bảo lưu ý kiến của mình tại cuộc họp....	Bổ sung tại đầu Khoản 13 Điều 63 như sau: <i>13. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung bắt buộc theo quy định pháp luật thì biên bản này vẫn có hiệu lực. Trường hợp thành viên HĐQT trực tiếp dự họp...</i>	Phù hợp Khoản 2 Điều 158 Luật DN 2020.
76.	Điều 65. Bộ máy giúp việc của HĐQT	1. HĐQT sẽ sử dụng Bộ máy giúp việc và <u>con dấu</u> của MB để thực hiện nhiệm vụ của mình.	Sửa đổi thay thế “con dấu” thành “dấu” tại Khoản 1 Điều 65	Phù hợp Điều 43 Luật DN 2020.
77.	Điều 70. Thành phần và nhiệm kỳ của BKS	2...Trường Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại MB	Sửa đổi Khoản 2 Điều 70 như sau: <i>2. Trường Ban Kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại MB.</i>	Phù hợp Điều 286 Nghị định 155, Điều 168 Luật DN 2020.
78.	Điều 70. Thành phần và nhiệm kỳ của BKS	3...Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là thành viên có thời gian làm việc và chế độ làm việc như cán bộ nhân viên MB, chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Ban Kiểm soát phân công...	Sửa đổi Khoản 3 Điều 70 như sau: <i>3...Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là thành viên có thời gian làm việc và chế độ làm việc như cán bộ nhân viên MB, chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Trường Ban Kiểm soát phân công.</i>	Phù hợp Khoản 7 Điều 46 Luật các TCTD và Khoản 1.7 Điều 72 Điều lệ MB.
79.	Điều 71. Quyền và nhiệm vụ của BKS	Chưa quy định.	Bổ sung Khoản 12 tại Điều 71 như sau: <i>12. <u>Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của MB.</u></i>	Phù hợp Khoản 3 Điều 170 LDN 2020.
80.	Điều 72.	3. Thành viên chuyên trách của Ban Kiểm soát	Sửa đổi Khoản 3 Điều 72 như sau:	Phù hợp thực

	Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, TV BKS	được hưởng lương, các thành viên Ban Kiểm soát khác được hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của các thành viên Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ quyết định,...	3. Thành viên Ban Kiểm soát được hưởng tiền lương, thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của MB. Tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của các thành viên Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ quyết định...	tiền tại MB và Điều 172 LDN 2020.
81.	Điều 75. Người lao động và Công đoàn	Tổng Giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị theo thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, lao động, tiền lương, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động, cũng như mối quan hệ của MB với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của MB và quy định pháp luật.	Sửa đổi Điều 75 như sau: 1. Tổng Giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị theo thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến người lao động như tuyển dụng, tiền lương, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động. 2. Mối quan hệ của MB với tổ chức Công đoàn các cấp được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của MB và quy định pháp luật, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ.	Để rõ ràng, phù hợp Điều 20 Luật Công đoàn 2012.
82.	Điều 80. Quyền và nghĩa vụ của MB với Công ty con..	2. MB quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 80 như sau: 2. MB quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên.	Phù hợp Điểm c Khoản 1 Điều 76 Luật DN 2020.
83.	Điều 88. Trả cổ tức	4....Thông báo phải ghi rõ tên và địa chỉ trụ sở chính của MB; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;...	Sửa đổi Khoản 4 Điều 88 như sau: 4. ...Thông báo phải ghi rõ tên và địa chỉ trụ sở chính của MB; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;...	Chính xác theo Khoản 4 Điều 135 Luật DN 2020.
84.	Điều 90. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ của MB	2. Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại khoản 1 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 9% (chín phần trăm) tổng số cổ phần của MB trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền tiếp cận hồ sơ và sổ sách MB theo quy định tại Điều lệ này.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 90 như sau: “2. Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại khoản 1 Điều này, cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 9% (chín phần trăm) tổng số cổ phần của MB trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền tiếp cận hồ sơ và sổ sách MB theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật”.	Để phù hợp Khoản 2 Điều 115 LDN 2020.
85.	Điều 90. Quyền	4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài	Bỏ Khoản 4 Điều 90 tại Điều lệ	Để phù hợp thực tiễn MB là công

	tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ	chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo 06 (sáu) tháng và hàng quý (theo quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán) trong giờ làm việc của MB...		ty niêm yết (đã công bố báo cáo tài chính theo pháp luật)
86.	Điều 91. Chế độ lưu giữ tài liệu của MB	1. MB phải lưu giữ các tài liệu sau đây... 1.4. Biên bản họp ĐHĐCĐ, HĐQT; các quyết định của MB. 1.5. Bản cáo bạch <u>để phát hành chứng khoán</u> .	Sửa đổi, bổ sung Điểm 1.4 và 1.5 Điều 91 như sau: <i>1.4. <u>Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, biên bản họp ĐHĐCĐ, HĐQT; các quyết định của MB.</u></i> <i>1.5. <u>Bản cáo bạch để chào bán hoặc niêm yết chứng khoán.</u></i>	Phù hợp Điều 11 Luật DN 2020.
87.	Điều 93. Con dấu	Điều 93. Con dấu HĐQT MB được quyền quyết định hình thức, số lượng và nội dung con dấu của MB; việc sử dụng, lưu giữ và quản lý con dấu phù hợp quy định pháp luật. ĐHĐCĐ, HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát...	Sửa đổi Điều 93 như sau: Điều 93. <u>Dấu của MB</u> <i>HĐQT MB được quyền quyết định hình thức, số lượng và nội dung dấu của MB; việc sử dụng, lưu giữ và quản lý dấu phù hợp quy định pháp luật. <u>MB có thể sử dụng dấu dưới hình thức chữ ký số phù hợp quy định pháp luật về giao dịch điện tử.</u> ĐHĐCĐ, HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát ...</i>	Phù hợp Điều 43 Luật DN 2020.
88.	Từ ngữ, dẫn chiếu		Sửa đổi dẫn chiếu của Luật DN 2020 (tại Khoản 4 Điều 22, Điều 44, Điều 45, Khoản 12 Điều 63, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 72 Điều lệ). Sửa đổi các từ ngữ, chính tả khác.	Đề rõ ràng, chính xác.